

Số: **78** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **22** tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ
huyện Sơn Tây, giai đoạn 2011-2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Sơn Tây tại Tờ trình số 14/TTr-BQL ngày 29/10/2014 về việc xin phê duyệt điều chỉnh Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Sơn Tây giai đoạn 2011-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 3004/BCTĐ-SNNPTNT ngày 25/12/2014 về Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Sơn Tây giai đoạn 2011-2020 và Công văn số 40/SNNPTNT ngày 12/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Sơn Tây, giai đoạn 2011-2020, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Sơn Tây, giai đoạn 2011-2020.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Sơn Tây.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Tư vấn và sản xuất Nông lâm nghiệp Hạnh Nhân.

4. Địa điểm lập dự án: Trên địa bàn phạm vi 05 xã: Sơn Bua, Sơn Mùa,

Sơn Liên, Sơn Dung và Sơn Long huyện Sơn Tây; gồm 24 tiểu khu: 144; 145; 146; 147; 148; 149; 150; 152; 153; 154; 156A; 156B; 162; 163; 164; 166; 167; 170A; 170B; 170C; 175; 176; 180; 181.

- Toạ độ địa lý:

+ Từ 14⁰ 49'08" đến 15⁰ 07'26" vĩ độ Bắc.

+ Từ 108⁰ 15'28" đến 108⁰ 24'29" kinh độ Đông.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án

- Nhằm rà soát diện tích rừng và đất lâm nghiệp để xây dựng, quản lý đầu tư chặt chẽ diện tích đất lâm nghiệp trong vùng dự án.

- Xác định được tổng vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư từ năm 2015-2020.

- Xây dựng suất đầu tư cho các hạng mục là rất cần thiết đặc biệt là suất đầu tư cho các hạng mục trồng rừng phòng hộ.

6. Qui mô và nội dung của dự án

a) Qui mô của dự án: Tổng diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch cho bảo vệ và phát triển rừng là 8.020,8 ha, trong đó tổng diện tích đưa vào quy hoạch tác động các biện pháp lâm sinh là 7.426,95 ha.

b) Nội dung dự án

b1) Khối lượng giai đoạn 2011-2020:

Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng khối lượng được phê duyệt	Khối lượng đã thực hiện từ 2011-2014	Khối lượng dự án điều chỉnh giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định này	Tăng/giảm (+/-)
A. Lâm sinh					
I. Bảo vệ rừng:	ha	6.726	4.251	6.582	-143
II. Phát triển rừng:					
1. Khoanh nuôi tái sinh rừng	ha			145	145
2. Trồng mới và chăm sóc rừng:					
a. Trồng mới	ha	250		253	3
b. Chăm sóc và bảo vệ rừng 3 năm	ha	187	178	431	244
3. Hỗ trợ trồng cây phân tán	đồng		1.178.096	238.899.096	238.899.096
4. Hỗ trợ rừng sản xuất	ha		150	150	150
B. Cơ sở hạ tầng					
- Đường nội vùng Dự án.	km	10		12	2
- Xây mới và Sửa chữa trạm BVR.	trạm	2		2	
- Chòi canh lửa.	chòi	4		1	-3
- Bảng thông tin tuyên truyền	cái			5	5
- Vườn ươm.	vườn	1			-1
- Dụng cụ PCCCR	đồng			212.842.000	212.842.000

b2) Nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng từ năm 2015-2020:

* Về lâm sinh:

- Khoán bảo vệ rừng: 6.582,24 ha;
- Phát triển rừng:
 - + Khoanh nuôi tái sinh rừng: 145,11 ha;
 - + Trồng mới rừng phòng hộ: 253,10 ha;
 - + Chăm sóc rừng trồng: 253,10 ha (tương đương 480,0 lượt ha).
 - + Hỗ trợ cây con trồng cây phân tán: 237.721.000 đồng;

* Về xây dựng cơ sở hạ tầng:

- Đường lâm sinh kết hợp nội vùng dự án: 12 km;
- Xây mới trạm bảo vệ rừng: 2 trạm.
- Chòi canh lửa: 1 cái;
- Bảng thông tin tuyên truyền: 5 cái.
- Mua sắm dụng cụ PCCCR: 212.842.000 đồng;

7. Tổng vốn đầu tư của dự án

a) Tổng vốn đầu tư của dự án giai đoạn 2011-2020 (đã bố trí vốn thực hiện từ năm 2011-2014):

DVT: Đồng

Hạng mục	Tổng vốn và nguồn vốn được phê duyệt	Tổng vốn và nguồn vốn đã thực hiện từ 2011-2014	Tổng vốn và nguồn vốn dự án điều chỉnh giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định này	Tăng/giảm (+/-)
I. Phân theo hạng mục	11.652.060.300	5.440.837.200	30.709.454.051	19.057.393.751
1. Lâm sinh	9.442.648.400	3.821.337.200	24.227.198.894	14.784.550.494
2. Cơ sở hạ tầng	1.300.000.000		3.267.842.000	1.967.842.000
3. Chi phí khác	909.411.900	1.619.500.000	1.675.251.572	765.839.672
4. Chi phí dự phòng chi			1.539.161.585	1.539.161.585
II. Nguồn vốn	11.652.060.300	5.440.837.200	30.709.454.051	19.057.393.751
1. Chương trình BV và PTR	9.009.046.300	2.573.837.200	19.560.366.211	10.551.319.911
2. Theo Nghị quyết 30a/CP	2.643.014.000	2.867.000.000	11.149.087.840	8.506.073.840

b) Tổng vốn đầu tư của dự án giai đoạn 2015-2020:

b1) Phân theo hạng mục đầu tư:

Tổng vốn đầu tư: 25.268.616.851 đồng, trong đó:

- Lâm sinh: 20.405.861.694 đồng;
- Cơ sở hạ tầng: 3.267.842.000 đồng;
- Dự phòng chi: 1.539.161.585 đồng;
- Chi phí khác: 55.751.572 đồng.

b2) Phân theo nguồn vốn đầu tư:

Ngân sách Nhà nước cấp: 25.268.616.851 đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước cấp theo Chương trình bảo vệ và phát triển rừng: 16.967.024.694 đồng.

- Vốn ngân cấp Nhà nước cấp theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ: 8.301.592.157 đồng.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

9. Thời gian thực hiện: 2011-2020.

Điều 2. Căn cứ điều 1 của Quyết định này,

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Sơn Tây có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể từng hạng mục, báo cáo UBND tỉnh, các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, UBND huyện Sơn Tây để theo dõi.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Sơn Tây thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm được giao đảm bảo yêu cầu và theo đúng các quy định Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; thanh quyết toán kinh phí được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn cho Chương trình Bảo vệ và phát triển rừng theo kế hoạch, để bảo đảm đến năm 2020 độ che phủ rừng toàn tỉnh đạt được chỉ tiêu đã đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Sơn Tây, giai đoạn 2011-2015;

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Sơn Tây; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh(b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak30.



CHỦ TỊCH

Lê Viết Chử